

Bản án số: 02/2017/ HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TÁU, TỈNH YÊN BÁI.

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Thu Hương;
2. Ông Vũ Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Say- Thư ký Toà án nhân dân huyện Trám Tấu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trám Tấu tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh Thát- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trám Tấu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trang A S, sinh năm 1968.

2. Bị đơn: Chị Sùng Thị D, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ thôn N, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái. “Các đương sự có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 17-5-2017 và tại phiên tòa nguyên đơn Trang A S trình bày: Từ năm 1989 do anh trai chết, theo phong tục tập quán của địa phương anh S chung sống cùng chị dâu là Sùng Thị D; hai người chung sống tại thôn N, xã L đến năm 2011 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S đi dạy học xa nhà, không giúp được công việc gia đình nhiều, ngoài ra chị D còn nghi ngờ anh S có quan hệ ngoại tình. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau; do mâu thuẫn không hòa giải được nên anh S xin ly hôn.

Bị đơn là chị Sùng Thị D trình bày: Việc chung sống giữa chị và anh S, đúng như anh S trình bày, còn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn đúng là do anh S có quan hệ ngoại tình, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau. Nay anh S xin ly hôn, chị D nhất trí.

Về con chung: Anh S và chị D trình bày có 03 con chung là: Trang A C, sinh ngày 13-3-1991; Trang A S1, sinh ngày 15-8-1996 và Trang A L, sinh ngày

19-01-2000. Anh S và chị D thống nhất Trang A C và Trang A S1 đã trên 18 tuổi, đi xây dựng gia đình riêng, nên không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng C và S1; còn Trang A L giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nguyện vọng của Trang A L khi anh S và chị D ly hôn có nguyện vọng ở cùng anh S.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh S và chị D thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu phát biểu ý kiến nhận định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 147; 262; 271; 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 – Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Trang A S và chị Sùng Thị D là vợ chồng.

Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho anh Trang A S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục Trang A L, sinh ngày 19-01-2000; chị đỡ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Anh Trang A S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trang A S và chị Sùng Thị D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 cho đến nay, không đăng ký kết hôn; việc chung sống được thể hiện tại sổ hộ khẩu, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và lời khai của hai người. Quá trình chung sống anh S, chị D phát sinh mâu thuẫn và anh S có yêu cầu ly hôn, chị D nhất trí. Do anh S và chị D không đi đăng ký kết hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình để tuyên bố không công nhận anh Trang A S và chị Sùng Thị D là vợ chồng.

Về con chung:

Anh S và chị D thỏa thuận: Giao cho anh Trang A S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục Trang A L, sinh ngày 19-01-2000; chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con và quy định của pháp luật, nên cần được công nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh S và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn Trang A S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147; 262; 271; 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 – Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Trang A S và chị Sùng Thị D là vợ chồng.

- Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của anh S và chị D: Giao cho anh Trang A S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục Trang A L, sinh ngày 19-01-2000; chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Trang A S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*hai trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số: AA/2013/03621, ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu; anh Sà đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã Làng Nhì;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2).

Vũ Xuân

